

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Giang

2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 301/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/11/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An

- Bị đơn: ông Lê Thành Tr, sinh năm: 1961. Địa chỉ: ấp 2, xã C, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Tr chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng thời điểm đó không có làm giấy đăng ký kết hôn. Đến năm 2013 bà T và ông Tr mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A vào ngày 10/7/2023 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/2013. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này bà T và ông Tr bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà T và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành Tr.

Về con chung: bà T và ông Tr có 04 người con chung Lê Thị Thanh Tr, sinh ngày 3/12/1979; Lê Thành V, sinh ngày 06/2/1982; Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 04/6/1988; Lê Phú Tr, sinh ngày 02/8/1989. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thành Tr đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Lê Thành Tr vì vậy xác định tranh chấp giữa bà T và ông Tr là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bà T có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông Tr đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của bà T và tài liệu kèm theo xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Tr được xác lập vào năm 1979 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới bà T và ông Tr sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Bà T và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà T, Tòa án đã thông báo cho ông Tr biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà T và ông Tr giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông Tr vắng mặt và không tham gia phiên tòa. Bà T kiên quyết xin ly hôn với ông Tr điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: bà T và ông Tr có 04 người con chung Lê Thị Thanh T, sinh ngày 3/12/1979; Lê Thành V, sinh ngày 06/2/1982; Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 04/6/1988; Lê Phú Tr, sinh ngày 02/8/1989. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Luật người cao tuổi, bà T trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà T không phải chịu án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Luật người cao tuổi. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Lê Thành Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Thành Tr.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Ông Lê Thành Tr không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bị đơn ông Lê Thành Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy